

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NẬM PỒ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST

Ngày: 30-11-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Sao

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Khoàng Văn Sơn

2. Ông Chảo Phù Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hạng A C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hạng Đình P (đã chết) và bà Sùng Thị D; Bị cáo có vợ là Thào Thị P và 04 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/8/2022 cho đến nay, có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo :** Ông Lương Văn Bình, sinh năm 1983, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

**- Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nậm Pồ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hờ A L, chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông Thào A D, sinh năm 1982; địa chỉ: Bản T, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Ông Giàng A P, sinh năm 1993 - Kiểm lâm viên địa bàn xã T, Hạt Kiểm lâm

huyện N, vắng mặt.

- *Người phiên dịch cho bị cáo Hạng A C*: Ông Hồ A D, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản Huồi Hâu, xã Nà Khoa, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người làm chứng*: Hạng A H, sinh năm 1995; địa chỉ: Bản T, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có đất canh tác nên vào khoảng tháng 02/2022 (bị cáo không nhớ rõ ngày), Hạng A C mang theo 01 con dao quắm đi bộ lên khu vực rừng (trước đây bị cáo đã làm nương và bỏ hoang khoảng 06, 07 năm nay) ở bản T, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên để chặt phá làm nương. Hạng A C không xin phép cơ quan có thẩm quyền, sử dụng dao quắm chặt phá toàn bộ độ che phủ của nhiều loại cây khác nhau, tại khu vực rừng tự nhiên thuộc bản T, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên liên tục trong 03 ngày. Sau đó, C dừng lại chờ cây khô sẽ đốt để lấy đất gieo trồng lúa. Đến ngày 27/3/2022, khi C chưa kịp đốt cây, trong quá trình tuần tra tại khu vực rừng thuộc bản T, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã T và Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã đã phát hiện, đám rừng bị C chặt phá có diện tích lớn nên đã báo cáo Hạt kiểm lâm huyện N và ra Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 27/3/2022 về việc đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật của Hạng A C. Ngày 28/3/2022, Hạt kiểm lâm huyện N phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/3/2022 (có bản ảnh và thống kê kèm theo) đã xác định: Tổng diện tích rừng bị Hạng A C chặt phá là 6.377,10 m<sup>2</sup> (sáu nghìn ba trăm bảy mươi bảy phẩy mười mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm V đến nhóm VIII, chủ yếu là cây Ba soi, Hu đay có **chiều cao trung bình vút ngọn là 9,45 m, đường kính trung bình là 12,57 cm**. Tổng khối lượng gỗ tròn bị chặt phá là 8,086 m<sup>3</sup>, khối lượng củi tận thu là 8,783 m<sup>3</sup>.

Tại kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS, ngày 15/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản do Hạng A C gây ra là 24.000.469 (hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín) đồng; không xác định được giá quyền sử dụng rừng.

Tại Kết luận Giám định số 07/KL-GĐ, ngày 20/7/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã xác định: Vị trí diện tích 6.377,10 m<sup>2</sup> có cây gỗ tự nhiên bị chặt phá thuộc tiểu khu 452, khoảnh 21 được quy hoạch là rừng sản xuất, trạng thái Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXX), thuộc bản T, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Diện tích rừng này được giao cho cộng đồng bản T, xã T quản lý và bảo vệ.

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKSNP ngày 14/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Hạng A C về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo Hạng A C đã giao nộp vật chứng là 01 con dao quắm dài 116 cm, cán dao bằng gỗ dài 77 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 39 cm là công cụ phạm tội.

Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự trình bày: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại. Người đại diện hợp pháp của cộng đồng dân cư bản T trình bày: Cộng đồng dân cư bản T 3 (nay là bản T), xã T được Ủy ban nhân dân huyện N giao đất, giao rừng theo Quyết định số 1900/QĐ-UBND, ngày 24/8/2016, trong đó có lô 21 tiểu khu 452. Hàng năm cộng đồng dân cư bản T đều được tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng. Ông Giàng A Phong trình bày: Ông Phong là Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã T, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Thông đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tuy nhiên do người dân thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên đã có hành vi hủy hoại rừng.

Tại phiên tòa, người làm chứng Hạng A H có lời khai: Vào khoảng tháng 02/2022, Hạng A H đang một mình chặt phá rừng tại khu vực bản T, xã T, huyện N thì đã nhìn thấy anh trai H là Hạng A C cũng đang dùng dao quắm, chặt phá rừng cạnh khu vực mà H chặt phá.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hạng A C về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Hạng A C từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 116 cm, dao đã cũ và han rỉ. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước, bị cáo đã bồi thường xong. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Hạng A C nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, đồng thời miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Hạng A C nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hạng A C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào tháng 02 năm 2022 (bị cáo không nhớ rõ ngày), bị cáo Hạng A C một mình sử dụng dao quắm phát trắng toàn bộ diện tích 6.377,10 m<sup>2</sup> (sáu nghìn ba trăm bảy mươi bảy phẩy mười mét vuông) rừng tự nhiên trong 03 ngày liên tục. Vị trí rừng bị chặt phá là tiểu khu 452, khoảnh 21 được quy hoạch là rừng sản xuất, trạng thái Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản T, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, do cộng đồng bản T, xã T quản lý và bảo vệ. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất làm nương, gây thiệt hại về lâm sản là 24.000.469 (hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín đồng) đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hạng A C phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) đến dưới 10.000 mét vuông (m<sup>2</sup>);”

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Hạng A C là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, vì muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo thiếu ý

thức chấp hành pháp luật, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng là 24.000.469 đồng cho Nhà nước. Quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án (Theo Công văn số 98/CV-CQĐT, ngày 26/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N). Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Hạng A C từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, thì trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, trong gia đình ngoài đồ dùng sinh hoạt thì không có tài sản giá trị nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, gia đình không có tài sản giá trị nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 116 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 77 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 39 cm của bị cáo Hạng A C, là công cụ phạm tội.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao Ủy ban nhân dân xã T, huyện N quản lý, do địa hình rừng núi khó khăn không vận chuyển được, các cây gỗ đã mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, **Điều 589 của Bộ luật Dân sự**, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 24.000.469 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền này, nên đã thi hành xong.

[10] Đối với nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Hạng A H là người đã nhìn thấy Hạng A C chặt phá rừng, trong lúc H cũng đang chặt phá một đám rừng gần với khu vực mà C chặt phá. Hành vi chặt phá rừng của H, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố về tội Hủy hoại rừng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Xét thấy tội phạm hủy hoại rừng trên địa bàn huyện N thời gian có chiều hướng gia tăng, người, Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân xã T và Hạt Kiểm lâm huyện N cần tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm; kịp thời phát hiện và xử lý triệt để, đúng pháp luật hành vi hủy hoại rừng ngay từ khi có dấu hiệu vi phạm.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Về án phí: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã T, huyện N là xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[14] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hạng A C phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hạng A C 19 (mười chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên, là nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Hạng A C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số **07/2022/LCCT-TA**, ngày **14/11/2022** của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Hạng A C.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Hạng A C phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 24.000.469 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu chín đồng), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 4.000.000 (bốn triệu) đồng và số tiền 20.000.469 (hai mươi triệu bốn trăm sáu chín) đồng, theo các Biên lai thu tiền số 0002849, ngày 25/10/2022 và số 0002853, ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, bị cáo đã bồi thường xong.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm đã qua sử dụng, có tổng chiều dài 116 cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 77 cm, đường kính đầu cán dao 2,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 39 cm, chiều rộng nhỏ nhất 3,5 cm, chiều rộng lớn nhất 6,5 cm, đã cũ và han rỉ.

*(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).*

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hạng A C.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/11/2022; trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Sao**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**











